

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**Bản án số: 100/2019/HS-ST
Ngày: 27-11-2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đức - Ông Dương Quang Khai

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1/ NGUYỄN THÀNH K, sinh năm 1990, tại Bình Thuận; nơi cư trú: Khu phố 4, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12 (không biết chữ); dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành P, sinh năm 1954 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Vợ: Lương Thị Bé T, sinh năm 1990. Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 05/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L (có mặt).

2/ TÔ THỊ HỒNG TR (Bé Hai), sinh năm 1987, tại Bình Định; nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt

Nam; con ông: Tô Hồng P, sinh năm 1966 và bà: Cao Thị T, sinh năm 1969; Chồng: Trần Văn B, sinh năm 1981. Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/4/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 25/2013/HSST), chấp hành xong ngày 17/9/2014; bị bắt ngày 29/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L (có mặt).

*** Bị hại:** Vợ chồng Ông Lê Ân T, sinh năm 1970, Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1978 (Bà T có mặt);

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Văn B, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Tân T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành K và Tô Thị Hồng Tr đều là đối tượng nghiện ma túy, cùng thuê phòng trọ tại khu phố 3, phường Tân T, thị xã L để sống chung với nhau. Vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 05/8/2019, K đi bộ lang thang để tìm tài sản lấy trộm, khi đến khu phố 7, phường B, thị xã L, thấy bên hông nhà anh Lê Ân T có treo mấy giỏ hoa Lan nên đi vào lấy trộm. K dùng tay mở cửa bên hông nhà ra rồi vào bên trong, K đi lên gác lửng lấy hai con heo đất rồi đi xuống lại và đi vào trong phòng ngủ thấy hai người đang nằm ngủ, K lục lọi thấy có một bọc nylon màu xanh bên trong có một cọc tiền được cột bằng dây thun để dưới bàn nên K cầm lấy bọc nylon, K tiếp tục tìm kiếm và lấy trong tủ một số trang sức gồm: Đồng hồ, Nhẫn, Dây chuyền, Lắc tay bỏ vào túi quần; thấy trên nóc tủ nhựa có 02 chiếc điện thoại Iphone nên lấy bỏ vào bọc nylon đựng tiền, K đi ra khỏi phòng ngủ thấy một chiếc ví để trên tủ kính, K mở ví ra lấy tiền rồi bỏ ví lại. Sau khi đi ra khỏi nhà anh T được một đoạn, K đập bể hai con heo đất để lấy tiền bên trong, lúc này có hai người đàn ông (không rõ lai lịch) đi tới; do sợ bị phát hiện nên K rút một xấp tiền trong bọc nylon vừa trộm được (không xác định được số tiền bao nhiêu) đưa cho hai người đàn ông này rồi hai người đàn ông này bỏ đi. Sau đó, K về nhà mình ở Khu phố 4, phường B cất giấu tiền và trang sức vừa lấy trộm được, còn 02 chiếc điện thoại Iphone K đem đến phòng trọ ở khu phố 3, phường B, thị xã L. Về phòng

trợ K đưa 02 chiếc điện thoại trên cho Tô Thị Hồng Tr để mở mật khẩu nhưng không được, lúc này người nhà của anh T gọi điện thoại đến, Tr biết đây là hai chiếc điện thoại do K vừa trộm cắp được. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Tr đem 02 chiếc điện thoại Iphone trên đến tiệm điện thoại Vinaphone của anh Lê Văn B ở Khu phố 3, phường T, thị xã L mở mật khẩu nhưng không được nên Tr bán luôn 02 chiếc điện thoại này cho anh Bắc với giá 900.000 đồng. Sau khi mua điện thoại của Tr, anh Bắc đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L mời K và Tr về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, K và Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, K đã giao nộp các tài sản lấy trộm của gia đình anh T cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L gồm: 01 đồng hồ kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu trắng trên mặt nhẫn có đính đá màu trắng xếp thành ba tầng; 01 nhẫn kim loại màu trắng trên mặt có đính 01 viên đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng trên mặt có đính 04 hàng đá màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trên mặt có hình bông hoa màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 01 lắc tay hình mắt xích bằng kim loại màu vàng và số tiền VNĐ 78.700.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Lê Ân T đã làm đơn trình báo bị mất các tài sản như sau: 01 chiếc điện thoại Iphone 6; 01 điện thoại Iphone 6 Plus; 130.000.000 đồng tiền VNĐ; 01 chiếc nhẫn kim cương; 01 chiếc nhẫn bạch kim; 01 sợi dây chuyền bạch kim; 02 chiếc nhẫn vàng tây; 01 chiếc đồng hồ nữ; 01 chiếc lắc bằng vàng tây.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66 ngày 12/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L kết luận:

- 01 đồng hồ hiệu versus Versace, màu vàng, mặt màu đen có hình đầu sư tử, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị là 1.800.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại màu trắng, vàng Au 750, đính đá trắng ba tầng, tầng thứ nhất có đính 01 viên xoàn 5.02 li, tầng thứ hai 10 viên xoàn 02 li, tầng thứ ba 13 viên xoàn 2.5 li; 02 bên thành 20 viên xoàn 0.5li, có giá trị là 54.202.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, vàng 680, đính 01 viên đá màu trắng, hai bên thành 14 viên đá trắng; có giá trị là 3.380.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, vàng 610, đính bốn hàng đá màu trắng, hai hàng giữa 10 viên, hai hàng ngoài 16 viên, nhẫn có giá trị là 4.646.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, vàng 610, mặt nhẫn hình bông hoa đính đá màu trắng; có giá trị là 2.116.000 đồng.

- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu trắng, vàng Au 750, hình bò tát, đính đá xung quanh; có giá trị là 8.287.200 đồng.

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng, vàng Au 750, dây kiểu bi; có giá trị là 11.793.600 đồng.

- 01 chiếc lắc tay mắc xích bằng kim loại màu vàng, vàng 610; có giá trị là 21.620.000 đồng.

- 01 điện thoại Iphone 6, 16G, màu hồng đã qua sử dụng, còn hoạt động; có giá là 1.900.000 đồng.

- 01 điện thoại Iphone 6 Plus, 64G, màu hồng, đã qua sử dụng, còn hoạt động; có giá trị là 2.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: **112.344.800** đồng.

Vật chứng vụ án: 01 đồng hồ kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu trắng trên mặt nhẫn có đính đá màu trắng xếp thành ba tầng; 01 nhẫn kim loại màu trắng trên mặt có đính 01 viên đá màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu vàng trên mặt có đính 04 hàng đá màu trắng; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trên mặt có hình bông hoa màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 dây chuyền bằng kim loại màu trắng; 01 lắc tay hình mắt xích bằng kim loại màu vàng; số tiền VNĐ 78.700.000 đồng; 02 chiếc điện thoại Iphone, hiện Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả lại cho chủ sở hữu anh Lê Ân T.

Về dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, anh Lê Ân T tiếp tục yêu cầu Nguyễn Thành K phải bồi thường số tiền là 51.300.000.000 đồng. Đối với số tiền 900.000 đồng mua 02 chiếc điện thoại anh Lê Văn B không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Thành K, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Tô Thị Hồng Tr về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Tô Thị Hồng Tr phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Nguyễn Thành K từ 07 năm đến 08 năm tù;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Tô Thị Hồng Tr từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ Luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Thành K bồi thường cho bị hại số tiền 51.300.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Thành K thấy hành vi của mình là sai trái nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Tô Thị Hồng Tr không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 00 giờ 10 phút ngày 05/8/2019, tại nhà vợ chồng ông Lê Ân T thuộc khu phố 7, phường B, thị xã L, bị cáo Nguyễn Thành K đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền mặt 130.000.000 đồng, 02 điện thoại Iphone, 01 đồng hồ và 01 sổ trang sức, có tổng giá trị 242.344.800 đồng của vợ chồng ông T.

Đối với bị cáo Tô Thị Hồng Tr tuy không hứa hẹn trước, biết rõ 02 điện thoại Iphone do K trộm cắp mà có nhưng bị cáo Tr vẫn mang 02 điện thoại nêu trên đi bán lấy số tiền 900.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Tô Thị Hồng Tr đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thành K và bị cáo Tô Thị Hồng Tr về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản cũng như tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, thích hưởng thụ mà lười lao động, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Do đó để lập lại trật tự trị an xã hội, đồng thời tạo tâm lý an toàn trong quần chúng nhân dân, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, không những nhằm cải tạo, giáo dục chính các bị cáo mà còn răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về T tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về T tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn; Riêng đối với bị cáo K có nhân thân tốt, tài sản trộm cắp đã trả lại 01 phần trả cho bị hại nên đây là các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Còn bị cáo Tr có con nhỏ nên đây là các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về T tiết tăng nặng: Các bị cáo không có T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Tr có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 25/2013/HSST).

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại Tòa bị hại yêu cầu bị cáo K bồi thường số tiền 51.300.000 đồng, bị cáo K đồng ý bồi thường, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Thành K phải bồi thường cho vợ chồng bị hại ông Lê Ân T, bà Trần Thị Ngọc T số tiền 51.300.000 đồng.

Đối với số tiền 900.000 đồng dùng để mua 02 chiếc điện thoại từ bị cáo Tr, anh Lê Văn B không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo K còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành K, phạm tội “Trộm cắp tài sản”; **bị cáo Tô Thị Hồng Tr (Bé Hai)**, phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Căn cứ Điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành K **07 (bảy)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/8/2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Tô Thị Hồng Tr **12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2019, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/8/2019 đến ngày 13/8/2019.

3. Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại vợ chồng ông Lê Ân T, bà Trần Thị Ngọc Tuyết và bị cáo Nguyễn Thành K.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành K bồi thường cho bị hại vợ chồng ông Lê Ân T, bà Trần Thị Ngọc Tuyết số tiền **51.300.000 đồng** (Năm mươi một triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Tô Thị Hồng Tr phải nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành K phải nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **2.565.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay (**27-11-2019**). Riêng bị hại Lê Ân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

BÙI ĐĂNG